

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 6) cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án “Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư dự án “Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang”; số 149/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; số 40/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu

số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500); số 255/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 167/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 283/UBND-KTN ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh ranh giới dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 6) ngày 16/01/2024 và hồ sơ kèm theo; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 07/3/2024, Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 07/3/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 103/TTr-TNMT ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 6) diện tích **4.154,1 m²** (Bốn nghìn một trăm năm tư phẩy một mét vuông) đất UBND thành phố Bắc Giang đã thu hồi và thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng cộng	Xã Tân Tiến	Phường Đình Kế
- Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	293,1	293,1	-
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	1.021,1	957,8	63,3
- Đất giao thông (DGT)	2.553,9	497,9	2.056,0
- Đất thủy lợi (DTL)	178,2	178,2	-
- Đất cơ sở tôn giáo (TON)	107,8	107,8	-
Tổng cộng	4.154,1	2.034,8	2.119,3

(Danh sách chi tiết các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất theo Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 07/3/2024 của UBND thành phố Bắc Giang)

2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (sau đây viết tắt là nhà đầu tư) toàn bộ diện tích **4.154,1 m²** đất đã chuyển mục đích sử dụng tại khoản 1 Điều này để xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án “Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang” (viết tắt là dự án) theo quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) được phê duyệt.

(Có bảng tổng hợp diện tích giao đất và cơ cấu các loại đất kèm theo)

Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

3. Địa điểm: Xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên tờ bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu trong hồ sơ và kết quả báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan; thu phí, lệ phí; chủ trì xác định giá đất cụ thể; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính, xử lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã thu hồi theo pháp luật; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng đất của nhà đầu tư và xử lý các vi phạm (nếu có) trong lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường liên quan đến dự án theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan đến tổ chức đấu thầu, chấp thuận đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực đầu tư làm cơ sở để chuyển mục đích, giao đất thực hiện dự án; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được chấp thuận và xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có) theo quy định.

3. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung liên quan đến việc thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng dự án (tỷ lệ 1/500), việc điều chỉnh ranh giới dự án làm cơ sở chuyển mục đích sử dụng, giao đất thực hiện dự án. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng và đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành dự án, đưa vào khai thác, vận hành theo đúng tiến độ được giao và quy định pháp luật; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm có liên quan đến hoạt động xây dựng và vận hành dự án (nếu có) theo pháp luật.

4. UBND thành phố Bắc Giang: Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc xác định loại đất, nguồn gốc đất, diện tích đất, chủ sử dụng đất, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng làm cơ sở chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện dự án; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Dĩnh Kế chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định. Tổ chức giao đất thực địa cho nhà đầu tư trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện dự án, đưa đất vào sử dụng của nhà đầu tư và xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định pháp luật.

5. Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long:

a) Thực hiện theo đúng hợp đồng và các phụ lục hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) đã ký kết. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa.

b) Khẩn trương đưa đất vào sử dụng đúng mục đích được giao, chỉ được thi công trên phần đất được giao và biện pháp thi công công trình không làm ảnh hưởng đến diện tích đất liền kề, tiếp giáp chưa bồi thường, giải phóng mặt bằng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung này; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

c) Xây dựng hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế đã được phê duyệt; sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ diện tích đất và hạ tầng công trình công cộng, (xác định tại quyết định chấp thuận đầu tư dự án) cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý, đưa vào sử dụng đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND xã Tân Tiến; Chủ tịch UBND phường Đình Kê; Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Phòng QLĐĐ - Sở TN&MT (lưu hồ sơ);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT);
- + KTN, KTTH, TH;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT VÀ CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT (ĐỢT 6)
DỰ ÁN: KHU SỐ 5, SỐ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM, THÀNH PHỐ BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

STT	Tên phân khu	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m ²)	Diện tích đất đã giao (m ²)	Diện tích đất giao đợt 6 (m ²)	Diện tích đất chưa giao (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-[(4)+(5)]
I	Đất xây mới	142.647,00	142.647,0	-	0,0
1	Đất nhà liền kề	83.967,00	83.967,0	-	0,0
1.1	A-LK-50	1.289,0	1.289,0	-	0,0
1.2	A-LK-51	1.553,0	1.553,0	-	0,0
1.3	A-LK-52	3.636,0	3.636,0	-	0,0
1.4	A-LK-56	5.122,0	5.122,0	-	0,0
1.5	A-LK-60	2.386,0	2.386,0	-	0,0
1.6	A-LK-61	2.978,0	2.978,0	-	0,0
1.7	A-LK-62	5.255,0	5.255,0	-	0,0
1.8	A-LK-64	4.837,0	4.837,0	-	0,0
1.9	A-LK-71	6.181,0	6.181,0	-	0,0
1.10	A-LK-72	6.177,0	6.177,0	-	0,0
1.11	A-LK-73	2.195,0	2.195,0	-	0,0
1.12	B-LK-26	5.340,0	5.340,0	-	0,0
1.13	B-LK-27	3.539,0	3.539,0	-	0,0
1.14	B-LK-31	5.380,0	5.380,0	-	0,0
1.15	B-LK-35	3.991,0	3.991,0	-	0,0
1.16	B-LK-36	5.811,0	5.811,0	-	0,0
1.17	B-LK-40	5.357,0	5.357,0	-	0,0
1.18	B-LK-43	2.701,0	2.701,0	-	0,0
1.19	B-LK-44	4.379,0	4.379,0	-	0,0
1.20	B-LK-47	5.860,0	5.860,0	-	0,0
2	Đất nhà biệt thự	29.025,0	29.025,0	-	0,0
2.1	A-BT-1	1.006,0	1.006,0	-	0,0
2.2	A-BT-2	1.614,0	1.614,0	-	0,0
2.3	A-BT-3	7.286,0	7.286,0	-	0,0
2.4	A-BT-4	3.368,0	3.368,0	-	0,0

STT	Tên phân khu	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m ²)	Diện tích đất đã giao (m ²)	Diện tích đất giao đợt 6 (m ²)	Diện tích đất chưa giao (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-[(4)+(5)]
2.5	A-BT-5	5.968,0	5.968,0	-	0,0
2.6	A-BT-6	2.190,0	2.190,0	-	0,0
2.7	B-BT-1	3.495,0	3.495,0	-	0,0
2.8	B-BT-2	4.098,0	4.098,0	-	0,0
3	Đất ở tái định cư	1.022,0	1.022,0	-	0,0
3.1	TĐC 1	495,0	495,0	-	0,0
3.2	TĐC 2	527,0	527,0	-	0,0
4	Đất nhà ở xã hội	28.633,0	28.633,0	-	0,0
4.1	B-OXH-1	7.476,0	7.476,0	-	0,0
4.2	B-OXH-2	12.070,0	12.070,0	-	0,0
4.3	B-OXH-3	6.990,0	6.990,0	-	0,0
4.4	B-OXH-4	2.097,0	2.097,0	-	0,0
II	Đất trường trung học	12.319,0	12.319,0	-	0,0
	B-TH-2	12.319,0	12.319,0	-	0,0
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4.654,0	4.654,0	-	0,0
	A-NT-4	4.654,0	4.654,0	-	0,0
IV	Đất công cộng	23.740,0	23.740,0	-	0,0
1	B-CC-1	12.866,0	12.866,0	-	0,0
2	B-CC-2	10.874,0	10.874,0	-	0,0
V	Đất chợ	18.114,0	18.114,0	-	0,0
	A-CHO	18.114,0	18.114,0	-	0,0
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51.911,0	51.911,0	-	0,0
1	A-CX-1	30.481,0	30.481,0	-	0,0
2	A-CX-2	15.741,0	15.741,0	-	0,0
3	A-CX-3	657,0	657,0	-	0,0
4	A-CX-4	109,0	109,0	-	0,0
5	A-CX-5	149,0	149,0	-	0,0
6	B-CX-6	3.065,0	3.065,0	-	0,0
7	B-CX-8	1.709,0	1.709,0	-	0,0
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16.698,0	16.698,0	-	0,0
	HTSN	16.698,0	16.698,0	-	0,0

STT	Tên phân khu	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m ²)	Diện tích đất đã giao (m ²)	Diện tích đất giao đợt 6 (m ²)	Diện tích đất chưa giao (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-[(4)+(5)]
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	-	0,0
	B-GR-1	180,0	180,0	-	0,0
	B-GR-2	180,0	180,0	-	0,0
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166.074,7	161.920,6	4.154,1	0,0
1	BĐX - P	8.589,1	8.574,5	-	0,0
2	GT	157.485,6	153.331,5	4.154,1	0,0
Tổng cộng (I+II+...+IX)		436.517,7	432.363,6	4.154,1	0,0